

ĐỀ PEN-CUP SỐ 01

Môn: Địa lí

Câu 1. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đã làm cho thế giới chuyển từ nền kinh tế công nghiệp sang loại hình kinh tế nào?

- A. Kinh tế bán cổ điển.
- B. Kinh tế tri thức.
- C. Kinh tế xanh.
- D. Kinh tế thị trường.

Câu 2. Hợp chúng quốc Hoa Kỳ đang có sự dịch chuyển dân cư từ

- A. thành thị về nông thôn.
- B. ven bờ Thái Bình Dương về vùng Đông Bắc.
- C. các bang phía Nam về vùng Đông Bắc.
- D. các bang vùng Đông Bắc đến các bang phía Nam.

Câu 3. Biểu hiện nào dưới đây, minh chứng cho EU là trung tâm kinh tế hàng đầu thế giới (tính đến năm 2007)?

- A. Số dân lớn gấp 1,6 lần Hoa Kỳ.
- B. GDP vượt Hoa Kỳ và chiếm tới 37,7% trong giá trị xuất khẩu thế giới.
- C. Số dân đạt 507,9 triệu người.
- D. Số dân gấp 4,0 lần Nhật Bản.

Câu 4. Khó khăn lớn nhất về tự nhiên đối với phát triển kinh tế – xã hội của Liên Bang Nga là

- A. địa hình chủ yếu là núi và cao nguyên.
- B. nhiều vùng rộng lớn có khí hậu băng giá hoặc khô hạn.
- C. hơn 80% lãnh thổ nằm ở vành đai khí hậu ôn đới.
- D. giáp với Bắc Băng Dương.

Câu 5. Khó khăn lớn nhất về điều kiện tự nhiên của Nhật Bản ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế là

- A. bờ biển dài, nhiều vũng vịnh.
- B. khí hậu phân hóa rõ rệt từ bắc xuống nam.
- C. nghèo khoáng sản.
- D. nhiều đảo lớn, nhỏ nhưng nằm cách xa nhau.

Câu 6. Nguyên nhân nào sau đây, làm cho tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của Trung Quốc ngày càng giảm?

- A. Sự tác động của văn hóa.
- B. Tư tưởng trọng nam khinh nữ.
- C. Sự phát triển của giáo dục.
- D. Chính sách dân số được thực hiện triệt để.

Câu 7. Loại thiên tai nào dưới đây, không phải là ảnh hưởng của biển Đông đối với khu vực Trung Bộ?

- A. Sạt lở bờ biển.
- B. Hiện tượng cát bay.
- C. Bão.
- D. Sương muối.

Câu 8. Gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh mẽ ở miền tự nhiên nào dưới đây?

- A. Miền Nam Trung Bộ.
- B. Miền Nam Bộ.
- C. Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ.
- D. Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.

Câu 9. Nội dung nào dưới đây là hệ quả của sự phân bố dân cư nước ta?

- A. Việc sử dụng lao động.
- B. Mức gia tăng dân số.
- C. Tốc độ đô thị hóa.
- D. Quy mô dân số của đất nước.

Câu 10. Nguồn gốc của sự phân hóa sản xuất giữa các vùng trong nước ta là

- A. việc phát huy thế mạnh của từng vùng.
- B. việc khắc phục hạn chế của từng vùng.
- C. chính sách phát triển kinh tế của Nhà nước.
- D. sự khác biệt về đặc điểm tự nhiên, dân cư của từng vùng.

Câu 11. Loại hình du lịch nào sau đây, có tiềm năng phát triển nhất ở khu vực đồi núi nước ta?

- A. Mạo hiểm. B. An dưỡng. C. Tham quan. D. Sinh thái

Câu 12. Yếu tố chính tạo ra sự khác biệt trong cơ cấu sản phẩm nông nghiệp giữa Trung du miền núi Bắc Bộ và Tây Nguyên là

- A. trình độ thâm canh. C. đặc điểm về đất đai, khí hậu.
B. điều kiện về địa hình. D. truyền thống sản xuất của dân cư.

Câu 13. Khó khăn lớn nhất đối với việc khai thác tiềm năng thủy điện ở nước ta là

- A. sông có lượng nước lớn.
B. sông ngòi nước ta có lượng phù sa lớn.
C. phần lớn sông ngòi nước ta ngắn và dốc.
D. lượng nước phân bố không đều trong năm.

Câu 14. Để ngành công nghiệp Việt Nam đáp ứng được nhu cầu khi đất nước còn nghèo thì nước ta cần học hỏi kinh nghiệm nào dưới đây của Nhật Bản?

- A. Phát triển công nghiệp bền vững.
B. Phát triển công nghiệp theo chiều rộng sau đó đầu tư phát triển theo chiều sâu.
C. Chỉ tập trung vào ngành mũi nhọn
D. Phát triển công nghiệp theo chiều sâu, bỏ qua phát triển theo chiều rộng.

Câu 15. Nguyên nhân nào sau đây làm cho đường sắt Việt Nam luôn lạc hậu so với thế giới?

- A. Do công nghệ quá lạc hậu, lại ít được đầu tư quan tâm.
B. Do sự xuất hiện các phương tiện khác hiện đại hơn.
C. Do nhu cầu đi lại suy giảm.
D. Do năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp đường sắt ngày càng yếu kém.

Câu 16. Vùng đồi trước núi ở Bắc Trung Bộ có thể mạnh về

- A. chăn nuôi gia cầm. C. trồng cây lương thực.
B. chăn nuôi đại gia súc. D. trồng cây lương thực hàng năm.

Câu 17. Biện pháp quan trọng hàng đầu trong phát triển nông nghiệp ở vùng Đông Nam Bộ là

- A. chuyển đổi cơ cấu cây trồng đa dạng hơn.
- B. giải quyết tốt vấn đề thủy lợi do mùa khô kéo dài.
- C. bảo vệ hệ thống rừng đầu nguồn và rừng ngập mặn.
- D. phát triển mô hình kinh tế trang trại.

Câu 18. Khó khăn lớn nhất trong việc sử dụng hợp lý đất đai ở Đồng bằng Sông Cửu Long là

- A. diện tích rừng ngập mặn bị suy giảm.
- B. thiếu nước ngọt vào mùa khô.
- C. diện tích đất nhiễm phèn, nhiễm mặn lớn.
- D. diện tích đất chưa sử dụng còn nhiều.

Câu 19. Cho các nhận định sau về lí do cần phải đặt vấn đề hình thành cơ cấu nông, lâm, ngư ở vùng Bắc Trung Bộ.

- (1) Góp phần tạo cơ cấu ngành cho nền kinh tế của vùng.
- (2) Tạo thể liên hoàn trong phát triển cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ.
- (3) Mỗi tỉnh đi từ đông sang tây đều có biển, đồng bằng, gò đồi và núi.
- (4) Trong điều kiện công nghiệp hóa, chỉ có thể dựa vào đặc điểm xã hội.

Số nhận định sai là

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 20. Hướng chính trong khai thác kinh tế vùng biển ở Đồng bằng sông Cửu Long là kết hợp

- A. khai thác sinh vật biển, khoáng sản và phát triển du lịch biển.
- B. biển, đảo, quần đảo và đất liền tạo nên một thể kinh tế liên hoàn.
- C. vùng bờ biển với đất liền và hệ thống sông ngòi, kênh rạch.
- D. du lịch biển, phát triển giao thông vận tải biển và du lịch miệt vườn.

Câu 21. Nguyên nhân nào sau đây, làm cho sự khu vực Trung du và miền núi Bắc Bộ nước ta có phân bố công nghiệp phân tán, lẻ tẻ trong không gian?

- A. Ngành nông nghiệp trồng lúa kém phát triển.
- B. Giao thông đi lại khó khăn, kinh tế kém phát triển.

- C. Điều kiện xã hội khó khăn.
- D. Lao động với tay nghề thấp.

Câu 22. Điểm giống nhau cơ bản nhất của giải pháp phát triển kinh tế giữa Bắc Trung Bộ và Trung du miền núi Bắc Bộ là

- A. kết hợp mô hình nông - lâm ở miền núi, mô hình nông - lâm - ngư nghiệp ở ven biển.
- B. khai thác, chế biến khoáng sản và thủy điện.
- C. trồng và chế biến cây ăn quả, cây dược liệu, rau quả cận nhiệt.
- D. chăn nuôi gia súc kết hợp phát triển kinh tế biển.

Câu 23. Nhiệm vụ quan trọng nhất trong việc hướng tới mục tiêu phát triển công nghiệp một cách bền vững ở vùng Đông Nam Bộ là

- A. tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng.
- B. phát triển mạnh công nghiệp khai thác dầu khí.
- C. bảo vệ môi trường đi đôi với phát triển công nghiệp theo chiều sâu.
- D. hình thành thêm nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất.

Câu 24. Bên cạnh nhiệm vụ cung cấp điện thì các nhà máy thủy điện ở Tây Nguyên còn có vai trò gì dưới đây?

- A. Chống lũ và điều hòa khí hậu.
- B. Chống bão và điều hòa khí hậu.
- C. Chống hạn cho cây trồng ở miền hạ du.
- D. Làm sạch nước cho sinh hoạt và tưới tiêu.

Câu 25. Việc hình thành các vùng chuyên canh ở Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long thể hiện xu hướng nào dưới đây?

- A. Tăng cường tình trạng độc canh.
- B. Tăng cường chuyên môn hóa sản xuất.
- C. Đẩy mạnh đa dạng hóa nông nghiệp.
- D. Tăng cường sự phân hóa lãnh thổ sản xuất.

Câu 26. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết thành phố nào sau đây là đô thị loại 2 tính đến năm 2007?

- A. Nam Định. B. Sơn La. C. Đà Nẵng. D. Hà Nội.

Câu 27. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, hãy cho biết lát cắt địa hình A – B đi theo hướng

- A. Tây Bắc – Đông Nam. C. Bắc - Nam
B. Đông Nam – Tây Bắc D. Đông - Tây

Câu 28. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, hãy cho biết tỉnh nào dưới đây có diện tích rừng trên 60% so với diện tích toàn tỉnh tính đến năm 2007?

- A. Thanh Hóa. B. Nghệ An. C. Hà Tĩnh. D. Quảng Bình.

Câu 29. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết tỉnh nào sau đây có GDP bình quân đầu người dưới 6 triệu đồng vào năm 2007?

- A. Bắc Kạn. B. Điện Biên. C. Lạng Sơn. D. Cao Bằng.

Câu 30. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 8, hãy cho biết tỉnh nào sau đây có mỏ sắt?

- A. Hà Tĩnh. B. Ninh Bình. C. Cà Mau. D. Quảng Bình.

Câu 31. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, hãy cho biết huyện hòn nào sau đây thực thuộc tỉnh Kiên Giang?

- A. Lý Sơn. B. Phú Quý. C. Phú Quốc. D. Cồn Cỏ.

Câu 32. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết nhận xét nào sau đây là đúng về doanh thu từ du lịch từ năm 1995 đến 2007?

- A. Doanh thu khách du lịch tăng nhẹ qua các năm.
B. Doanh thu khách du lịch giảm nhẹ qua các năm.
C. Doanh thu khách du lịch giảm mạnh qua các năm.
D. Doanh thu khách du lịch tăng mạnh qua các năm.

Câu 33. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết nhà máy thủy điện nào sau đây có công suất dưới 1000MW?

- A. Hòa Bình. B. Xê Xan 4. C. Đa Nhim. D. Bản Vẽ.

Câu 34. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, hãy cho biết cơ cấu giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản từ năm 2000 đến năm 2007 thay đổi như thế nào?

- A. Tỉ trọng ngành nông nghiệp giảm, tỉ trọng ngành lâm nghiệp và thủy sản tăng.
B. Tỉ trọng ngành nông nghiệp tăng, tỉ trọng ngành lâm nghiệp và thủy sản giảm.
C. Tỉ trọng ngành nông nghiệp và lâm nghiệp giảm, tỉ trọng ngành thủy sản tăng.
D. Tỉ trọng ngành nông nghiệp và lâm nghiệp tăng, tỉ trọng ngành thủy sản giảm.

Câu 35. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, hãy cho biết đặc điểm nào sau đây không phải của dải đồng bằng ven biển miền Trung?

- A. Chỉ có một số đồng bằng được mở rộng ở các cửa sông lớn.
B. Được hình thành do các sông bồi đắp.
C. Bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ.
D. Hẹp ngang.

Câu 36. Cho bảng số liệu.

SẢN LƯỢNG CÁ KHAI THÁC CỦA NHẬT BẢN QUA CÁC NĂM

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	1985	1990	1995	2000	2001	2003
Sản lượng	11411,4	10356,4	6788	4988,2	4712,8	4596,2

Nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi sản lượng cá khai thác của Nhật Bản qua các năm từ 1985 đến 2003?

- A. Sản lượng cá khai thác giảm đều và chậm qua các năm.
B. Sản lượng cá khai thác tăng đều qua các năm.

C. Sản lượng cá khai thác giảm liên tục qua các năm.

D. Sản lượng cá khai thác tăng, giảm không ổn định.

Câu 37. Cho bảng số liệu sau.

LƯỢNG DẦU THÔ KHAI THÁC VÀ TIÊU DÙNG Ở MỘT SỐ KHU VỰC TRÊN THẾ GIỚI NĂM 2003

(Đơn vị: nghìn thùng/ngày)

Khu vực	Lượng dầu thô khai thác	Lượng dầu thô tiêu dùng
Đông Á	3414,8	14520,5
Tây Nam Á	21356,6	6117,2
Bắc Âu	5322,1	3069,6
Bắc Mỹ	7986,4	22226,8

Dựa vào bảng số liệu, hãy cho biết nhận định nào sau đây là đúng về chênh lệch giữa lượng dầu thô khai thác với lượng dầu thô tiêu dùng?

A. Chênh lệch lớn ở khu vực Đông Á và Tây Nam Á

B. Chênh lệch lớn nhất ở Bắc Âu và Bắc Mỹ.

C. Chênh lệch lớn nhất ở khu vực Tây Nam Á và Bắc Mỹ.

D. Chênh lệch lớn nhất ở khu vực Đông Á và Bắc Mỹ.

Câu 38. Cho bảng số liệu sau.

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC THEO GIÁ TRỊ HIỆN HÀNH PHÂN THEO NGÀNH KINH TẾ

(Đơn vị: nghìn tỉ đồng)

Năm	2010	2012	2014	2015
Nông – lâm – ngư nghiệp	39576	623815	696969	712460
Công nghiệp – xây dựng	693351	1089091	1307935	1394130
Dịch vụ	797155	1209496	1537197	1665962

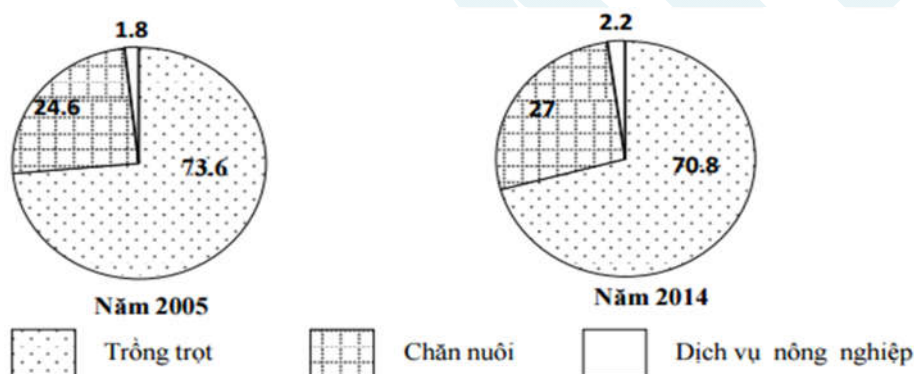
Nhận xét nào sau đây đúng về tỉ trọng ngành dịch vụ của nước ta giai đoạn 2010 – 2015?

- A. Tỉ trọng ngành dịch vụ tăng đều qua các năm
- B. Tỉ trọng ngành dịch vụ giảm đều qua các năm.
- C. Tỉ trọng ngành dịch vụ biến động qua các năm
- D. Tỉ trọng ngành dịch vụ không biến động qua các năm.

Câu 39. Cho biểu đồ sau.

CƠ CẤU GIÁ TRỊ SẢN XUẤT NGÀNH NÔNG NGHIỆP NƯỚC TA NĂM 2005 VÀ 2014

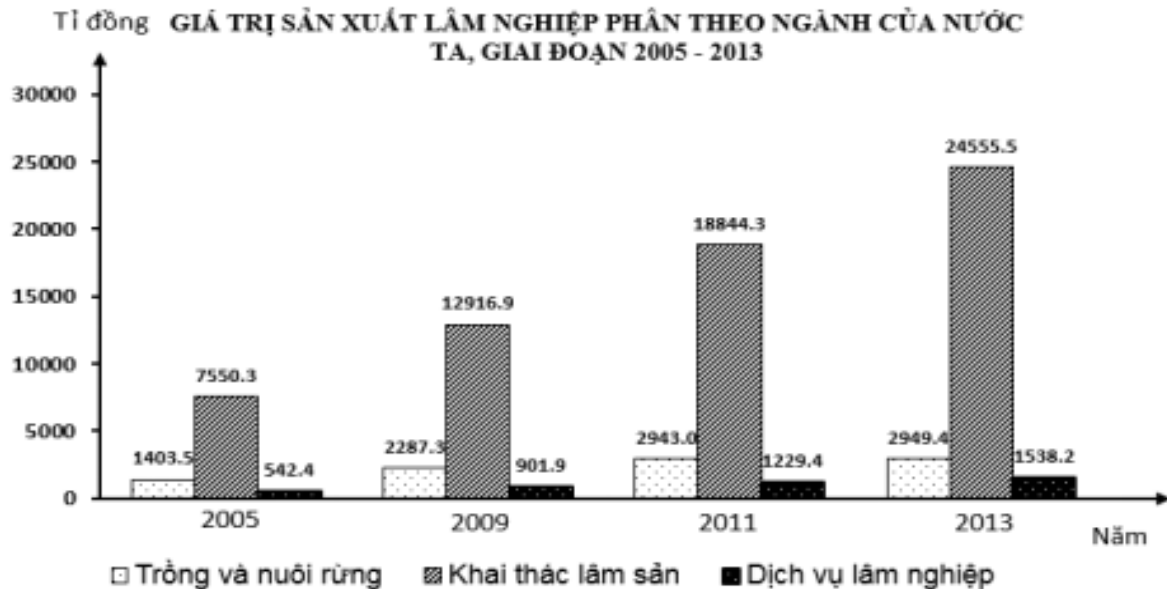
(Đơn vị: %)



Căn cứ vào biểu đồ trên, hãy cho biết nhận xét nào sau đây không đúng?

- A. Dịch vụ nông nghiệp luôn chiếm tỉ trọng thấp nhất.
- B. Trồng trọt có xu hướng giảm tỉ trọng và vẫn là ngành chiếm tỉ trọng lớn nhất.
- C. Sự chuyển dịch cơ cấu diễn ra chủ yếu giữa hai ngành sản xuất chính là trồng trọt và dịch vụ nông nghiệp.
- D. Tỉ trọng ngành chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp có xu hướng tăng lên.

Câu 40. Cho biểu đồ.



Nhận xét nào sau đây không đúng về giá trị sản xuất lâm nghiệp phân theo ngành nước ta giai đoạn 2000 – 2013?

- A. Các nhóm ngành trong sản xuất lâm nghiệp có xu hướng tăng nhưng mạnh mẽ nhất là trong lĩnh vực khai thác lâm sản.
- B. Dịch vụ lâm nghiệp và khai thác lâm sản có xu hướng tăng.
- C. Giá trị sản xuất các ngành chênh lệch lớn.
- D. Giá trị sản xuất các nhóm ngành không có sự biến động nhiều đặc biệt là ngành dịch vụ lâm nghiệp.

Nguồn.  Hocmai